

TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÁM

Số: 390

ĐẾN

Ngày: 01/12

Chuyển: Công An

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5228/SGDĐT-TCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2025

V/v rà soát, lập danh sách đủ điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I và từ hạng III lên hạng II

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu;
- Hiệu trưởng (Giám đốc) các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở;
- Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn;
- Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;
- Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hiệu trưởng các Trường Cao đẳng công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hiệu trưởng các Trường Trung cấp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 156/VBHN-BLĐTBXH ngày 10 tháng 01 năm 2025 Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

Thực hiện công văn số 7723/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên.

Để có cơ sở xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I và hạng III lên hạng II. Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Sở, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; Trường Đại học Sài Gòn; Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh; Hiệu trưởng các Trường Cao đẳng, Trung cấp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Hiệu trưởng (Giám đốc) các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Rà soát, thẩm định, báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có và đề xuất số lượng viên chức thăng hạng theo yêu cầu vị trí việc làm (*theo Biểu số 01 đính kèm, đồng thời cập nhật tại Link <https://forms.gle/wZ7t8rQHmM5hAoZl7>*);

Khi thẩm định hồ sơ và xét tại đơn vị cần lưu ý:

a) Phải căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2020/NĐ-CP để làm nguyên tắc đề xuất số lượng viên chức thăng hạng:

*“Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

*Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu; được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý cử đi dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật”.*

b) Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP.

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời

gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm; Văn bản hợp nhất số 156/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 10 tháng 01 năm 2025 Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Lập danh sách viên chức (trong chỉ tiêu cơ cấu chức danh nghề nghiệp) có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I và hạng III lên hạng II (theo hạng đề nghị tương ứng tại Biểu số 02 đính kèm, đồng thời cập nhật tại [Link https://forms.gle/eT73ykZhXCrp75V79](https://forms.gle/eT73ykZhXCrp75V79)).

3. Gửi Công văn đính kèm Biểu số 01, Biểu số 02 và Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị có cử viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Scan bản chính) về Sở Giáo dục và Đào tạo thông qua Hệ thống văn bản điện tử <https://vpdt.hcm.edu.vn> trước ngày 06 tháng 12 năm 2025.

Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp các trường trên địa bàn quản lý gửi về Sở theo đúng tiến độ, thời gian quy định.

Sau thời hạn vừa nêu, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tổng hợp và kèm vào đề án để gửi Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt nên không tiếp nhận hồ sơ gửi trễ hạn hoặc bổ sung.

Trên đây là nội dung hướng dẫn về rà soát, lập danh sách đủ điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I và từ hạng III lên hạng II, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị nhanh chóng triển khai, thực hiện và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo đúng tiến độ./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PGD Trần Thị Ngọc Châu (để theo dõi);
- Lưu: VT, TCCB (BN). 



**GIÁM ĐỐC**

  
**Nguyễn Văn Hiếu**

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64 /BNV-CCVC  
V/v xác định cơ cấu ngạch công chức và  
cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/12/2022, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 13/2022/TT-BNV hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; đồng thời, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành các thông tư hướng dẫn việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Qua kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương và ý kiến tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, ngành, địa phương thống nhất triển khai thực hiện một số nội dung sau đây:

**I. VỀ XÁC ĐỊNH CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC**

Cơ cấu ngạch công chức được tính theo tỷ lệ % số công chức giữ các ngạch công chức trên tổng số công chức trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức (viết tắt là đơn vị sử dụng), cụ thể:

**1. Đối với các đơn vị sử dụng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi chung là Bộ), cơ quan thuộc Chính phủ**

a) Đối với các tổ chức thực hiện chức năng tham mưu chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực<sup>1</sup>:

- Ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: Tối đa không quá 30%;
- Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Ngạch chuyên viên, cán sự, nhân viên và tương đương: Tối đa không quá 20%.

<sup>1</sup> Theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ) thì Vụ là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp hoặc chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ của Bộ.

b) Đối với các tổ chức thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp hoặc về công tác quản trị nội bộ<sup>2</sup>:

- Ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: Tối đa không quá 25%;
- Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Ngạch chuyên viên, cán sự, nhân viên và tương đương: Tối đa không quá 25%.

## **2. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

a) Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương:

- Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: Tối đa không quá 50%.

b) Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa không quá 40%;
- Ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: Tối đa không quá 60%.

## **3. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện<sup>3</sup>**

- Ngạch chuyên viên và tương đương: Tối đa không quá 80%;
- Ngạch cán sự, nhân viên và tương đương: Tối đa không quá 20%.

## **II. VỀ XÁC ĐỊNH CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC**

Việc xác định cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo hướng dẫn tại các Thông tư của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Trường hợp chưa có hướng dẫn hoặc đã có hướng dẫn nhưng chưa xác định cụ thể tỷ lệ % ở mỗi hạng chức danh nghề nghiệp thì thống nhất thực hiện như sau:

<sup>2</sup> Theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ thì cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Chính phủ... (trong đó có quy định giao Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan thuộc Chính phủ). Theo đó, tại các Nghị định của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ thì các tổ chức hành chính là các tổ chức giúp việc của cơ quan thuộc Chính phủ.

<sup>3</sup> Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ) thì cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương...

**1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị tự chủ nhóm 1) và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 2)**

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 20%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 30%.

**2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 4)**

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 10%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 40%.

**III. MỘT SỐ ĐIỂM THÔNG NHẤT TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

1. Cơ cấu tại Mục I và Mục II Công văn này không bao gồm công chức lãnh đạo, quản lý và viên chức quản lý.

2. Đối với Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam, các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được thành lập theo đúng quy định của pháp luật thì quyết định theo thẩm quyền hoặc căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền thành lập để xác định tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu trên. Đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc các cơ quan nêu tại Mục I, Mục II Công văn này và tại khoản này thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để phân bổ tỷ lệ phù hợp, bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

3. Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi ngạch công chức hoặc mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào ngạch (hạng) thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định. Trường hợp số lượng thực tế hiện có vượt tỷ lệ nêu trên thì tạm thời không tổ chức thi, xét nâng ngạch

hoặc xét thăng hạng lên ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp đã vượt quá tỷ lệ.

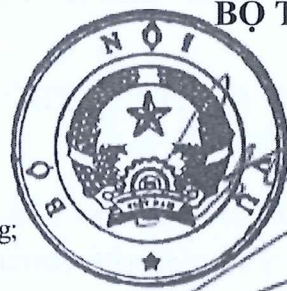
4. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ hướng dẫn tại Công văn này để xem xét, quyết định việc áp dụng xác định tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Vụ Công chức – Viên chức)<sup>4</sup> và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để tổng hợp, giải đáp theo quy định.

Trên đây là một số nội dung về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTTgCP Trần Lưu Quang (để báo cáo);
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các Bộ, ngành;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.



**BỘ TRƯỞNG**

**Phạm Thị Thanh Trà**

<sup>4</sup> Đ/c Hoàng Xuân Đám, số điện thoại: 0934.267.599 hoặc đ/c Nguyễn Thanh Bình, số điện thoại: 0983.324.675.